

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(Dạng đầy đủ)

Quý III năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		432,084,659,265	237,059,501,958
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	23,540,926,217	63,836,827,386
1. Tiền	111		23,540,926,217	63,836,827,386
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		265,621,682,620	64,179,994,556
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	173,066,338,442	10,043,279,008
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	16,796,187,702	12,496,169,565
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	75,759,156,476	41,640,545,983
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		141,469,691,891	107,722,394,249
1. Hàng tồn kho	141	V.5	141,469,691,891	107,722,394,249
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1,452,358,537	1,320,285,767
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	828,464,877	787,491,667
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	623,893,660	532,794,100
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		148,622,180,015	131,343,668,879
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		51,180,345,306	32,828,864,133
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	47,880,345,306	29,528,864,133
- Nguyên giá	222		89,690,588,276	63,947,670,569
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(41,810,242,970)	(34,418,806,436)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	3,300,000,000	3,300,000,000
- Nguyên giá	228		3,300,000,000	3,300,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2,755,109,543	1,166,766,658
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.9	2,755,109,543	1,166,766,658
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		9,000,000,000	9,000,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	9,000,000,000	9,000,000,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		85,686,725,166	88,348,038,088
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	85,686,725,166	88,348,038,088
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		580,706,839,280	368,403,170,837

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		301,580,589,013	85,659,982,141
I. Nợ ngắn hạn	310		301,580,589,013	85,659,982,141
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	128,572,285,524	79,278,679,183
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		790,367,974	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	10,160,375,070	3,493,849,886
4. Phải trả người lao động	314	V.13	34,542,361,769	251,761,430
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	29,557,373,156	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	15,294,807,429	2,364,797,728
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	73,093,963,651	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	9,569,054,440	270,893,914
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		279,126,250,267	282,743,188,696
I. Vốn chủ sở hữu	410		279,126,250,267	282,743,188,696
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	230,000,000,000	230,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		230,000,000,000	230,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.18	3,350,161,370	3,350,161,370
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18	4,133,184,445	868,496,017
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18	41,642,904,452	48,524,531,309
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		837,532,952	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		40,805,371,500	48,524,531,309
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		580,706,839,280	368,403,170,837

Khánh Hòa, ngày 19 tháng 10 năm 2018



Phạm Thị Lành
Kế toán trưởng



Nguyễn Khoa Bảo
Giám đốc



Trịnh Thị Hồng Vân
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YÊN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)

Quý III năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ
			Năm 2018	Quý III Năm 2017	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	316,672,058,699	245,486,911,973	1,065,989,434,314
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	81,668,959	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		316,672,058,699	245,405,243,014	1,065,989,434,314
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	256,475,964,877	206,361,328,413	905,409,616,055
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		60,196,093,822	39,043,914,601	160,579,818,259
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3,776,865,588	42,096,243	19,088,317,492
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1,550,683,648	215,229,340	3,112,228,881
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1,425,583,920	-	1,606,216,995
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	35,633,116,922	11,524,432,834	85,950,926,961
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	5,382,477,504	3,989,831,678	26,937,733,310
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21,406,681,336	23,356,516,992	63,667,246,599
11. Thu nhập khác	31	VI.7	-	6,818,182	24,963,134
12. Chi phí khác	32	VI.8	-	88,262,122	56,220,723
13. Lợi nhuận khác	40		-	(81,443,940)	(31,257,589)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21,406,681,336	23,275,073,052	63,635,989,010
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.12	3,898,056,447	4,655,014,610	9,356,586,950

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)

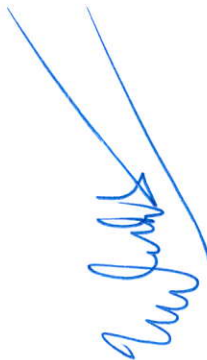
Quý III năm 2018

Đơn vị tính: VND

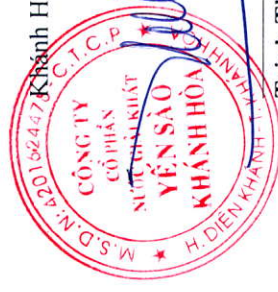
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III		Quý III Năm 2017	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm 2018	-		Năm 2018	Năm 2017
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		17,508,624,889	-	18,620,058,442	54,279,402,060	51,551,829,026



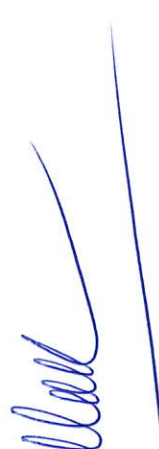
Phạm Thị Lành
Kế toán trưởng



Nguyễn Khoa Bảo
Giám đốc



Khánh Hòa, ngày 19 tháng 10 năm 2018



Trịnh Thị Hồng Vân
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YÊN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Lũy kế từ đầu năm đến 30 tháng 09 năm 2018

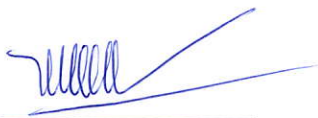
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		63,635,989,010	64,502,154,050
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.7	7,391,436,534	5,323,116,316
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(18,625,033,045)	64,091,822
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2,475,569,226	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		54,877,961,725	69,889,362,188
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(182,905,154,887)	(138,501,435,680)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	V.5	(33,747,297,642)	7,794,132,161
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		132,570,486,962	96,593,823,269
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	V.6	2,620,339,712	15,520,561,426
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.4	(2,475,569,226)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.12	(8,861,638,848)	(16,600,609,141)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(4,208,179,963)	(13,158,614,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(42,129,052,167)	21,537,220,223
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(27,397,819,526)	(13,549,537,940)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	63,959,242	24,170,300
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(27,333,860,284)	(13,525,367,640)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	369,555,489,868	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(296,461,526,217)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.15, V.18	(43,926,952,369)	(11,828,870,832)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>29,167,011,282</u>	<u>(11,828,870,832)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(40,295,901,169)	(3,817,018,249)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	63,836,827,386	21,165,993,047
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u><u>23,540,926,217</u></u>	<u><u>17,348,974,798</u></u>

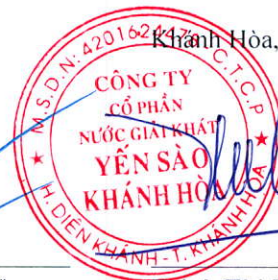
Khánh Hòa, ngày 19 tháng 10 năm 2018



Phạm Thị Lãnh
 Kế toán trưởng



Nguyễn Khoa Bảo
 Giám đốc



Trịnh Thị Hồng Vân
 Chủ tịch Hội đồng quản trị
 Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nước giải khát Yến sào Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến sào.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 934 nhân viên đang làm việc (số đầu kỳ là 763 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán. Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2018

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2018 (tiếp theo)

cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2018

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2018 (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ và chi phí vật tư.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là giá trị lợi thế kinh doanh, giá trị thương hiệu và chi phí công cụ, dụng cụ. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014. Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2018

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2018 (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 24 tháng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm đất ở lâu dài và đất trồng cây lâu năm có thời hạn đến năm 2048. Công ty không trích khấu hao đối với toàn bộ quyền sử dụng đất.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt) để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2018

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2018 (tiếp theo)

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

11. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2018

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2018 (tiếp theo)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2018

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2018 (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

16. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

18. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính Công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2018

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2018 (tiếp theo)

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.091.103.251	201.273.168
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.449.822.966	63.635.554.218
Cộng	<u>23.540.926.217</u>	<u>63.836.827.386</u>

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<u>166.172.526.982</u>	<u>10.012.053.370</u>
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	88.603.448.301	-
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến Sào Khánh Hòa	39.079.360.490	-
Cửa hàng tổng hợp - Công ty Cổ phần Du lịch thương mại Nha Trang	19.772.239.878	-
Công ty TNHH MTV Yến Sào Phú Khánh	14.765.847.096	7.800.592.800
Công ty TNHH MTV Nuôi trồng Thủy sản FISHSAN	1.975.052.780	1.070.947.570
Công ty TNHH MTV QBSP và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	801.848.960	342.617.990
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	1.140.494.177	357.664.670
Công ty TNHH MTV Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	34.235.300	440.230.340
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<u>6.893.811.460</u>	<u>31.225.638</u>
Công ty TNHH DV TM Tổng hợp Khánh Phương	1.199.882.960	-
Đại lý 4/7 Yersin	1.577.612.212	-
Các khách hàng khác	4.116.316.288	31.225.638
Cộng	<u>173.066.338.442</u>	<u>10.043.279.008</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2018

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2018 (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	16.796.187.702	-	12.496.169.565	-
Công ty CP Thiết bị Công nghiệp Huỳnh Long	14.743.035.700	-	10.790.319.500	-
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng An Bình Khang	-	-	1.025.261.700	-
Các nhà cung cấp khác	2.053.152.002	-	680.588.365	-
Cộng	16.796.187.702	-	12.496.169.565	-

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	74.492.230.478	-	41.282.769.053	-
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa - Cổ tức, lợi nhuận được chia	17.085.374.984	-	1.801.207.768	-
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa - tiền lãi cho vay	1.542.257.753	-	-	-
Công ty TNHH MTV Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa - Khoản phải thu khác	55.864.597.741	-	39.481.561.285	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.266.925.998	-	357.776.930	-
Tạm ứng	636.047.567	-	181.670.000	-
Phải thu BHXH	550.843.501	-	-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	80.034.930	-	176.106.930	-
Cộng	75.759.156.476	-	41.640.545.983	-

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	70.024.236.724	-	16.551.978.485	-
Công cụ, dụng cụ	35.373.364.942	-	42.549.216.175	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	456.299.057	-	1.396.083.179	-
Thành phẩm	24.484.613.237	-	23.730.981.002	-
Hàng hóa	2.652.746.159	-	1.197.376.740	-
Hàng gửi đi bán	8.478.431.772	-	22.296.758.668	-
Cộng	141.469.691.891	-	107.722.394.249	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2018

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2018 (tiếp theo)

6. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**6a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê mặt bằng, văn phòng	361,363.667	50.000.000
Chi phí roadshow	104.016.670	718.971.667
Chi phí quảng cáo	176.677.265	-
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	186.407.275	18.520.000
Cộng	<u>828.464.877</u>	<u>787.491.667</u>

6b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lợi thế kinh doanh	75.133.289.722	82.252.001.521
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.243.344.518	2.414.082.637
Chi phí thuê mặt bằng, văn phòng	3.805.483.355	1.021.518.299
Chi phí sửa chữa tài sản	3.437.443.472	2.633.768.964
Các chi phí trả trước dài hạn khác	67.164.099	26.666.667
Cộng	<u>85.686.725.166</u>	<u>88.348.038.088</u>

7. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	13.164.586.996	37.562.843.938	12.880.407.559	339.832.076	63.947.670.569
Mua trong kỳ	18.537.520.370	6.580.950.178	-	-	25.118.470.548
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	624.447.159	-	-	-	624.447.159
Số cuối kỳ	<u>32.326.554.525</u>	<u>44.143.794.116</u>	<u>12.880.407.559</u>	<u>339.832.076</u>	<u>89.690.588.276</u>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	284.005.824	4.650.731.168	628.916.290	220.202.076	5.783.855.358
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	7.652.957.970	18.392.417.856	8.149.490.097	223.940.513	34.418.806.436
Khấu hao trong kỳ	1.657.330.886	4.523.462.920	1.199.427.415	11.215.313	7.391.436.534
Số cuối kỳ	<u>9.310.288.856</u>	<u>22.915.880.776</u>	<u>9.348.917.512</u>	<u>235.155.826</u>	<u>41.810.242.970</u>
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	5.511.629.026	19.170.426.082	4.730.917.462	115.891.563	29.528.864.133
Số cuối kỳ	<u>23.016.265.669</u>	<u>21.227.913.340</u>	<u>3.531.490.047</u>	<u>104.676.250</u>	<u>47.880.345.306</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2018

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2018 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất của Công ty bao gồm đất ở lâu dài và đất trồng cây lâu năm có thời hạn đến năm 2048. Công ty không trích khấu hao đối với toàn bộ quyền sử dụng đất.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	55.073.454	-	-	(55.073.454)	-
Xây dựng cơ bản dở dang	1.111.693.204	2.279.348.978	(624.447.159)	(11.485.480)	2.755.109.543
Công trình Nhà Máy tại cụm công nghiệp Sông Cầu	201.925.091	-	-	-	201.925.091
Công trình showroom	769.532.726	1.654.901.819	-	-	2.424.434.545
Công trình tường rào	-	327.480.909	(327.480.909)	-	-
Công trình pano Sanest	-	296.966.250	(296.966.250)	-	-
Các hạng mục khác	140.235.387	-	-	(11.485.480)	128.749.907
Cộng	1.166.766.658	2.279.348.978	(624.447.159)	(66.558.934)	2.755.109.543

10. Các khoản đầu tư tài chính

Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
Cộng	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201767187 ngày 09 tháng 11 năm 2017 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hòa cấp. Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa 9.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty đã góp đủ vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2018

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2018 (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của các công ty con

- Công ty TNHH Một thành viên Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh từ ngày 09 tháng 11 năm 2017, hoạt động kinh doanh bình thường trong kỳ.
- Công ty TNHH Một thành viên Nhà máy Nước giải khát cao cấp Yến sào Khánh Hòa chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Giao dịch với các công ty con

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty TNHH Một thành viên Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa là công ty con như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Công ty bán hàng hóa và thành phẩm	164.111.200
Công ty chuyển tiền	22.000.000.000
Công ty thu hồi lại tiền	30.311.413.056
Lợi nhuận được chia	1.916.399.100
Lãi vay	1.542.257.753

11. Phải trả người bán ngắn hạn

11a. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	81.100.232.517	40.293.513.213
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	77.585.513.152	10.521.113.089
Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến Sào Khánh Hòa	-	7.316.852.634
Nhà máy chế biến nguyên liệu yến sào - Công ty TNHH Nhà Nước MTV Yến Sào Khánh Hòa	-	20.726.640.000
Công ty TNHH MTV Dịch Vụ Tuyển Bắc Nam	2.370.284.180	1.171.206.670
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Sanna Khánh Hòa	808.864.185	49.176.100
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang	5.184.000	23.198.400
Công ty TNHH MTV Du lịch Sanest Tourist	322.255.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Văn hóa và Quảng cáo Khánh Hòa	-	406.977.520
Công ty TNHH MTV Thiết kế Xây dựng Sanatech Land	-	74.000.000
Công ty Cổ phần Chế biến Nông sản Xuất khẩu Khánh Hòa	-	4.348.800
Công ty TNHH MTV QBSP và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa	8.132.000	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	47.472.053.007	38.985.165.970
Công ty TNHH NHT	3.443.016.600	3.191.055.000
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ In bao bì Cuộc Sống Mới	415.257.900	1.295.353.930
Wellgrow glass Industry Co, Ltd	936.383.418	5.446.023.660
Các nhà cung cấp khác	42.677.395.089	29.052.733.380
Cộng	<u>128.572.285.524</u>	<u>79.278.679.183</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2018

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2018 (tiếp theo)

11b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	- 532.794.100		44.168.304.329 (37.430.642.109)		6.204.868.120	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	13.280.980.366 (13.285.423.441)		-	4.443.075
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.460.558.848	-	9.356.586.950 (8.861.638.848)		3.955.506.950	-
Thuế thu nhập cá nhân	33.291.038	-	7.496.970.004 (8.149.711.627)		-	619.450.585
Thuế tài nguyên	-	-	24.567.900 (24.567.900)		-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000 (3.000.000)		-	-
Cộng	3.493.849.886	532.794.100	74.330.409.549 (67.754.983.925)		10.160.375.070	623.893.660

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	63.635.989.010	64.502.154.050
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	232.320.725	249.471.070
Thu nhập chịu thuế	63.868.309.735	64.751.625.120
Thu nhập được miễn thuế	(17.085.374.984)	-
Thu nhập tính thuế	46.782.934.751	64.751.625.120
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	9.356.586.950	12.950.325.024

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước sạch, giá tính thuế là 4.000 VND/m³, thuế suất 5%.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2018

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2018 (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

13. Phải trả người lao động

Số cuối kỳ là tiền lương còn phải trả cho người lao động.

14. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>29.557.373.156</i>	-
Chi phí quảng bá, tiếp thị sản phẩm	23.461.803.377	-
Chi phí thưởng cho nhà phân phối	1.315.158.182	-
Chi phí vận chuyển	1.946.544.753	-
Các chi phí khác	2.833.866.844	-
Cộng	<u>29.557.373.156</u>	<u>-</u>

15. Phải trả ngắn hạn khác

15a. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>15.294.807.429</i>	<i>2.364.797.728</i>
Kinh phí công đoàn	1.175.280.462	1.528.266.542
Cổ tức năm 2017 phải trả	463.047.632	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	13.656.479.335	836.531.186
Cộng	<u>15.294.807.429</u>	<u>2.364.797.728</u>

15b. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>73.093.963.651</i>	-
Vay ngắn hạn ngân hàng	73.093.963.651	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Khánh Hòa	10.475.458.897	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Khánh Hòa	16.661.208.598	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Nha Trang	20.738.705.242	-
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa	25.218.590.914	-
Cộng	<u>73.093.963.651</u>	<u>-</u>

Công ty có khả năng thanh toán các khoản vay ngắn hạn

(*) Khoản vay để bổ sung vốn lưu động tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2018/HMTD-YSKH ngày 04 tháng 5 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2018

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2018 (tiếp theo)

2018. Hạn mức cho vay là 40 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 04 tháng 5 năm 2018 đến 31 tháng 3 năm 2019, thời hạn cho vay tối đa 5 tháng theo từng giấy nhận nợ lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ. Kỳ hạn trả lãi vào ngày 26 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn. Khoản vay này được bảo lãnh vay vốn bởi Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa

- (**) Khoản vay bổ sung vốn lưu động không có tài sản đảm bảo tại Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng cấp tín dụng số 8994.18.800.3625784.TD ngày 24 tháng 4 năm 2018. Hạn mức cho vay là 50 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 24 tháng 4 năm 2018 đến 15 tháng 3 năm 2019, thời hạn cho vay tối đa 5 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, kỳ hạn trả lãi vào ngày 20 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn.
- (***) Khoản vay để bổ sung vốn lưu động tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nha Trang theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 8118/VHM ngày 13 tháng 2 năm 2018. Hạn mức cho vay là 60 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 13 tháng 2 năm 2018 đến 13 tháng 2 năm 2019, thời hạn cho vay tối đa 6 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, kỳ hạn trả lãi vào ngày 26 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn. Khoản vay này được bảo lãnh vay vốn bởi Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa.
- (****) Khoản vay để bổ sung vốn lưu động tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hòa theo hợp đồng cho vay theo hạn mức số 23/VHM ngày 31 tháng 7 năm 2018. Hạn mức cho vay là 100 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức từ ngày 31 tháng 7 năm 2018 đến 31 tháng 5 năm 2019, thời hạn cho vay tối đa 5 tháng, lãi suất vay theo từng giấy nhận nợ, kỳ hạn trả lãi vào ngày 05 hàng tháng, trả gốc một lần khi đến hạn. Khoản vay này được bảo lãnh vay vốn bởi Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa.

Phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>
Số đầu năm	-
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	369.555.489.868
Số tiền vay đã trả	(296.461.526.217)
Số cuối kỳ	<u>73.093.963.651</u>

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	-	858.018.760	(777.500.000)	80.518.760
Quỹ phúc lợi	270.893.914	12.003.505.112	(2.772.045.392)	9.502.353.634
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	-	644.816.617	(658.634.571)	(13.817.954)
Cộng	<u>270.893.914</u>	<u>13.506.340.489</u>	<u>(4.208.179.963)</u>	<u>9.569.054.440</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2018

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2018 (tiếp theo)**18. Vốn chủ sở hữu***18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	230.000.000.000	3.350.161.370	-	12.959.224.173	246.309.385.543
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2016	-	-	868.496.017	(868.496.017)	-
Trích quỹ thưởng ban điều hành từ lợi nhuận năm 2016	-	-	-	(128.537.410)	(128.537.410)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2016	-	-	-	68.216.086	68.216.086
Chi cổ tức từ lợi nhuận năm 2016	-	-	-	(11.828.870.832)	(11.828.870.832)
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	51.551.829.026	51.551.829.026
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận kỳ trước	-	-	-	(13.886.672.594)	(13.886.672.594)
Số dư cuối kỳ trước	<u>230.000.000.000</u>	<u>3.350.161.370</u>	<u>868.496.017</u>	<u>37.866.692.432</u>	<u>272.085.349.819</u>
Số dư đầu năm nay	230.000.000.000	3.350.161.370	868.496.017	48.524.531.309	282.743.188.696
Trích quỹ đầu tư phát triển từ lợi nhuận năm 2017	-	-	3.264.688.428	(3.264.688.428)	-
Trích quỹ thưởng ban điều hành từ lợi nhuận năm 2017	-	-	-	(644.816.617)	(644.816.617)
Điều chỉnh trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2017	-	-	-	612.506.688	612.506.688
Chi cổ tức từ lợi nhuận năm 2017	-	-	-	(44.390.000.000)	(44.390.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ nay	-	-	-	54.279.402.060	54.279.402.060
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2018	-	-	-	(13.474.030.560)	(13.474.030.560)
Số dư cuối kỳ nay	<u>230.000.000.000</u>	<u>3.350.161.370</u>	<u>4.133.184.445</u>	<u>41.642.904.452</u>	<u>279.126.250.267</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2018

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2018 (tiếp theo)

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa	117.300.000.000	117.300.000.000
Công ty Cổ phần Du Lịch Thương Mại Nha Trang	47.110.000.000	47.110.000.000
Các cổ đông khác	65.590.000.000	65.590.000.000
Cộng	230.000.000.000	230.000.000.000

18c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	23.000.000	23.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	23.000.000	23.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	23.000.000	23.000.000

Toàn bộ là cổ phiếu phổ thông. Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	9.157.762.606	1.719.929.524	14.918.522.250	9.087.826.133
Doanh thu bán thành phẩm	307.514.296.093	243.766.982.449	1.051.070.912.064	729.453.583.209
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-	-	-
Cộng	316.672.058.699	245.486.911.973	1.065.989.434.314	738.541.409.342

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng hóa cho Công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.10. Công ty còn phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Yến Sào Phú Khánh – Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	6.544.792.800	-
Công ty TNHH Một thành viên Nuôi trồng Thủy sản FISHSAN – Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	3.463.054.400	-
Công ty TNHH Một thành viên Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa – Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	1.973.437.673	-
Công ty TNHH Một thành viên Quảng bá sản	5.230.098.821	-

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2018

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2018 (tiếp theo)

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa – Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm		
Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Sanest Tourist - Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	5.429.845.006	-
Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa - Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	10.995.498.677	74.809.347.400
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa - Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	105.371.510.816	-
Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến sào Khánh Hòa - Chi nhánh Hà Nội - Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	80.599.721.318	56.969.593.300
Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến sào Khánh Hòa - Chi nhánh HCM - Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	398.029.359.400	375.195.642.500
Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến sào Khánh Hòa - Chi nhánh Đà Nẵng - Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	250.473.977.603	205.846.266.900
Xưởng chế biến nguyên liệu Yến Sào - Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	2.474.900	-
Nhà máy thực phẩm cao cấp Yến Sào - Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	1.941.822.800	1.809.036.940
Nhà máy chế biến nguyên liệu yến sào - Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa - Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	222.411.300	-
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang - Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	36.006.592.771	-

2. Giá vốn hàng bán

	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	11.821.265.022	1.893.402.503	17.283.843.600	8.586.997.277
Giá vốn của thành phẩm đã bán	244.654.699.855	204.467.925.910	888.125.772.455	616.555.333.892
Cộng	256.475.964.877	206.361.328.413	905.409.616.055	625.142.331.169

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	19.736.826	42.096.243	63.959.242	75.702.691
Lãi tiền cho vay	1.542.257.753	-	1.542.257.753	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.916.399.100	-	17.085.374.984	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	298.471.909	-	396.725.513	-
Cộng	3.776.865.588	42.096.243	19.088.317.492	75.702.691

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2018

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2018 (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	1.425.583.920	-	2.475.569.226	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	125.099.728	215.229.340	636.659.655	558.221.081
Cộng	1.550.683.648	215.229.340	3.112.228.881	558.221.081

5. Chi phí bán hàng

	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.408.519.334	2.133.035.369	13.724.835.125	5.870.227.108
Chi phí vật liệu, bao bì	79.123.192	29.106.245	147.569.049	88.402.482
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	102.721.701	10.392.103	139.524.443	66.600.109
Chi phí khấu hao tài sản cố định	265.395.041	293.398.922	821.370.508	881.166.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.935.625.767	8.971.171.838	49.634.854.604	27.188.844.891
Các chi phí khác	12.841.731.887	87.328.357	21.482.773.232	359.342.057
Cộng	35.633.116.922	11.524.432.834	85.950.926.961	34.454.583.536

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	3.993.970.259	3.182.549.245	17.723.614.476	9.593.605.671
Chi phí vật liệu quản lý, công cụ dụng cụ	165.779.719	54.849.181	508.450.937	227.614.155
Chi phí khấu hao tài sản cố định	81.520.408	73.294.053	235.585.388	205.109.431
Thuế, phí và lệ phí	12.072.954	-	95.987.816	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	993.055.349	669.141.699	8.032.415.878	3.114.797.315
Các chi phí khác	136.078.815	9.997.500	341.678.815	249.243.864
Cộng	5.382.477.504	3.989.831.678	26.937.733.310	13.390.370.436

7. Thu nhập khác

	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ xử lý tài sản thừa thiếu	-	-	18.417.679	4.580.250
Thu nhập khác	-	6.818.182	6.545.455	15.518.182
Cộng	-	6.818.182	24.963.134	20.098.432

8. Chi phí khác

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2018

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2018 (tiếp theo)

	Quý III		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	-	88.262.122	-	88.262.122
Thuế bị phạt, bị truy thu	-	-	1.147.269	114.471.074
Chi phí khác	-	-	55.073.454	-
Cộng	-	88.262.122	56.220.723	202.733.196

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa	Công ty mẹ, sở hữu 51% vốn điều lệ
Công ty TNHH Một thành viên Cung ứng Vật tư Nguyên liệu Khánh Hòa	Công ty con, sở hữu 100% vốn điều lệ
Nhà máy chế biến nguyên liệu yến sào - Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa	Đơn vị trực thuộc Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa
Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang	Cổ đông, sở hữu 20.48% vốn điều lệ, đồng thời là công ty con của Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa
Công ty Cổ phần Nước giải khát Sanest Khánh Hòa	Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 51% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC GIẢI KHÁT YẾN SÀO KHÁNH HÒA

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, xã Suối Hiệp, huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÍ 3 NĂM 2018

Quý 3 năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 3 năm 2018 (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Công ty TNHH Một thành viên Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa
Công ty TNHH Một thành viên Quảng bá sản phẩm và Nhà hàng Yến sào Khánh Hòa
Công ty Cổ Phần Nước Giải Khát Sanna Khánh Hòa

Công ty TNHH Một thành viên Thiết kế Xây dựng Sanatech Land
Công ty TNHH Một thành viên Du lịch Sanest Tourist
Công ty TNHH Một thành viên Dịch Vụ Tuyển Bắc Nam
Công ty TNHH Một thành viên Yến Sào Phú Khánh

Mối quan hệ

Công ty con của Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa
Công ty con của Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa
Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa sở hữu 51% vốn điều lệ.
Công ty con của Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa
Công ty con của Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa
Công ty con của Công ty TNHH Nhà Nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa
Công ty con của Công ty Cổ phần Du lịch Thương mại Nha Trang

Công nợ với các bên liên quan khác

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh là chế biến các sản phẩm và thực phẩm chức năng từ yến sào và trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.




Phạm Thị Lành
Kế toán trưởng



Nguyễn Khoa Bảo
Giám đốc



Nha Trang, ngày 19 tháng 10 năm 2018



Trịnh Thị Hồng Vân
Chủ tịch Hội đồng quản trị
Người đại diện theo pháp luật